

SAFETY JOGGER INDUSTRIAL

Heavy

ALASKA S3

Giày bảo h ộ **lao** độ n g bắn g **da có lót** ấm

ALASKA là g da đa năng có lót ấm và cách nhiệ t ch ố n gl ạnh .g này có khả năng bảo v ệ ch ố n g tính mái và và năng làm chịu và bắn g vật l iệu ch ố n g nư ớc .

Những vật liệu cao cấp hơn	Kẹo lên kỹ thu
lót bên trong	Teddy
trong Đ	Teddy
iữa đế g	Thép
ngoài Đ	BASF PU/BASF PU
u Đứng đầ	Thép
i Loạ	S3 / SR, SC, LG, FO, CI
Phạm vi kích thước	EU 38-47 / UK 5.0-12.0 / US 5.5-13.0 JPN 24-31 / KOR 250-310
ng lượng thép	0.810 kg
ản hưu chu	ASTM F2413:2018 EN ISO 20345:2022+A1:2024



BRN

CO_2 15.78 kg



S3
Giày bảo hộ lao động S3 thích hợp làm việc trong môi trường có độ ẩm cao và có đế chống đâm thủng. Những đôi giày này cũng bảo vệ gót chân và nghiền nát bàn chân.



SRC
Giày là một trong những tính năng quan trọng và giày bảo hộ lao động SRC đã qua cả bài kiểm tra SRA và SRB, chúng được kiểm tra trên cả bề mặt thép và gốm.



Cách điện lạnh **(CI)**
Giày bảo hộ cách điện lạnh (CI) đôi chân của bạn được mặc trong một



lót ấm
Giữ cho đôi chân ấm áp và khô ráo trong môi



Mặt **trên** chống nước **(WRU)**
Ngăn chặn không tiếp xúc lâu dài



chống **tĩnh** điện
Giày chống tĩnh điện ngăn chặn a điện tích tụ phát ra, bảo rằng chúng được cách điện ở 100 kiloOhm và 1 GigaOhm

Công nghiệp **n:**
lĩnh vực ô tô, Hoá h ọ c , Xây dự n g, Khai thác m ỏ , Dầu khi, Ngành công n ghiệ p

ường: **Môi** t
rư ờn **mội** t rạn hờn, **mội** bùn, Có t u yế t và băng giá, b ề mặt **không** bằn g phẳn ờn **mội** ẩm ướt

Cac hương **dân ba#o tri:**
éo dài t Đ giày, chúng tôi khuyên bạn nên v ệ sinh giày thư ờn g xuyên và bảo v ệ chúng bằn phẳ cách hà nhiệ **Không** trên lò

K

	Sự **miêu** t ả	**EN ISO 20345**	ế t ơn vị **đo** l Đ ờn g
		ả u	q
Nhữ n g vật l iệu **Kéo dài** kỹ thu **cao** cấp h ơn			
	Top: khả năng thấm hơi ẩm	? 0.8	1.5 ờ mg/cm/g
	Top: hi nuệ số ơ	? 15	16.8 mg/cm2
ót bên trong	**Teddy**		
	L ớp lót: thấm hơi ẩm	? 2	47.5 ờ mg/cm/g
	lót: hi nuệ số ơ	? 20	379.8 mg/cm2
rong Đ	**Teddy**		
ệ m chân	Đ ch ố n g mài mòn (khô/ ướt) (chu kỳ)	25600/12800	25600/12800 chu kỳ
goài Đ	**BASF PU/BASF PU**		
	Ch ố n g trượt (mài mòn) ế ngoài (	? 150	33 mm
	Chư ố ợt trê gót bản - Ceramic + NaLS - Trư ợt gót v ề phía t	? 0.31	0.44 ma sát
	rư Đ ợt cố ớt bản - G ố m + NaLS - Trư ợt lùi v ề phía t	? 0.36	0.41 ma sát
	rư Đ ợt SR - G ố m + Glycerin - Trư ợt gót phía t	? 0.19	0.30 ma sát
	Chư ố ợt trê SR - G ố m + Glycerin - Trư ợt lùi v ề phía t	? 0.22	0.31 ma sát
	rị ch ố Giá t tĩnh điệ n	0.1 - 1000	40.1 megaohm
	rị ESD Giá t	0.1 - 100	N/A megaohm
	Hấp thụ năng l ượ gót chân ủ	? 20	30 J
Đ ứ n g đầ **Thép**			
	Mũi giày an toàn ch ố n g va đập (kh oản g cách sau va đập 100J)	N/A	N/A mm
	Mũi bảo h ộ ch ố n g nén (kh oản g h ở sau khi nén 10kN)	N/A	N/A mm
	Mũi giày an toàn ch ố n g va đập (kh oản g cách sau va đập 200J)	? 14	18.5 mm
	Mũi giày an toàn ch ố n g nén (kh oản g h ở sau khi nén 15kN)	? 14	21.0 mm

kích thước thép: 42

a chúng tôi. Giày bảo hộ có thương hiệu Safety Jogger đã được đăng ký và không được sao chép dưới dạng nào mà không có sự cho phép bằng văn bản của chúng tôi.

hân sinh thái:

	Sự **miêu** t ả	ế t ơn vị **đo** l Đ ờn g
		ả u q
i **CO** **phát** thả		
	V ật l iệu	13.51 kg
	Bao bì	0.12 kg
	ất Sản x u	1.90 kg
	Chuyên ch ở	0.26 kg
		15.78 kg CO2/ cặp

	Sự **miêu** t ả	ế t K
		ả u q
ệ vật l Tiệ **tái** ch ế		
	Product	3%
	Bao bì	99%

Tính toán CO2:
rị được làm tròn đến hai chữ số thập phân.
Các phân tích này được thực hiện bằng các công cụ tính toán [illegible] giày đối.